

Số: **121** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **06** tháng 7 năm 2020

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ cả năm 2020

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020, như sau:

#### Phần thứ nhất

### TÌNH HÌNH THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

#### I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (chi tiết tại Phụ lục số 01):

1. Ước thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2020 đạt 7.903 tỷ đồng, bằng 42,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 81,4% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó:

a) Thu nội địa ước đạt 5.272 tỷ đồng, bằng 34,3% dự toán HĐND giao, bằng 66,5% so với cùng kỳ năm 2019.

\* *Đánh giá một số khoản thu chủ yếu:*

(1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, ước đạt 2.627 tỷ đồng, bằng 35,1% dự toán năm, bằng 52,6% so với cùng kỳ năm 2019; trong đó:

- Thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất 2.453 tỷ đồng, đạt 34,5% dự toán năm, bằng 56,8% so với cùng kỳ năm 2019. Số thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất đạt thấp so với dự toán tỉnh giao và thấp so với cùng kỳ, chủ yếu là do bị ảnh hưởng tác động lớn bởi dịch Covid-19, giá dầu thô thế giới giảm sâu, sản lượng tiêu thụ xăng dầu giảm mạnh.

- Các khoản thu còn lại (*trừ NMLD Dung Quất*) ước thu 6 tháng đầu năm 174 tỷ đồng, đạt 45,3% dự toán, bằng 26,1% so với cùng kỳ; thấp so với cùng kỳ là do từ đầu năm 2020 Công ty CP Bia Sài Gòn chuyển chương nộp NS từ chương DNNN Trung ương sang chương DN ngoài quốc doanh.

(2) Thu từ doanh nghiệp địa phương ước đạt 28 tỷ đồng, bằng 64,8% dự toán năm, bằng 93,1% so với cùng kỳ năm 2019.

(3) Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 224 tỷ đồng, bằng 72,4% dự toán năm và tăng 31,1% so với cùng kỳ năm 2019; đạt cao so với dự toán và tăng cao so cùng kỳ là do phát sinh một số DN có số

nộp lớn so như: Công ty TNHH Hệ thống điện GE Việt Nam (nộp 6,9 tỷ, tăng 3,4 tỷ); Công Ty Giấy Rieker Việt Nam- Chi Nhánh Quảng Ngãi (nộp 8,9 tỷ, tăng 4 tỷ); Công Ty TNHH VSIP Quảng Ngãi (nộp 53,9 tỷ, tăng 33,7 tỷ); Nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án nạo vét Cảng Contener Hòa Phát (nộp 31,7 tỷ, cùng kỳ chưa phát sinh);...

(4) Thu từ khu vực ngoài quốc doanh ước đạt 1.024 tỷ đồng bằng 30,8% dự toán năm, bằng 118,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó:

- Thu từ Công ty CP đường Quảng Ngãi: dự kiến 6 tháng đầu năm tiêu thụ 25,9 triệu lít bia Dung Quất, giảm 1,7 triệu lít so năm trước; các khoản thuế nộp ngân sách 144,7 tỷ (trong đó thuế TTĐB: 116 tỷ) bằng 66% so cùng kỳ năm trước, giảm so cùng kỳ do Công ty được gia hạn thuế TNDN và thuế GTGT theo Nghị định 41/2020/CD-CP của Chính phủ.

- Thu từ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh còn lại 880,2 tỷ, đạt 31,4% dự toán, tăng 35,8% so cùng kỳ; tăng cùng kỳ chủ yếu là: thu 359 tỷ đồng từ Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi chuyển chương nộp NS từ chương DNNN Trung ương sang chương DN ngoài quốc doanh và thu 53 tỷ thuế TNDN của Công ty Thép Hòa Phát - Dung Quất (tăng 88% so cùng kỳ).

(5) Các khoản thu từ đất:

- Thu tiền sử dụng đất: ước thu 6 tháng đầu năm đạt 345 tỷ đồng, đạt 17,3% dự toán, bằng 48,9% so cùng kỳ. Đạt thấp so dự toán tính giao và giảm so cùng kỳ là do từ cuối năm 2019 đến nay thị trường bất động sản trầm lắng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và các dự án do triển khai chậm.

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: ước 6 tháng thu 8,3 tỷ, đạt 13,8% dự toán, bằng 8,6% so cùng kỳ. Tiền thuê đất đạt thấp so dự toán tính giao và giảm so cùng kỳ là do trong những tháng đầu năm không phát sinh thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, trong khi đó cùng kỳ năm 2019 có phát sinh đột biến 40,5 tỷ của Công ty Thép Hòa Phát - Dung Quất nộp tiền thuê mặt biển, trả một lần cho cả thời gian thuê và 28 tỷ tiền thuê đất, trả một lần của Công ty TM Xăng dầu Sông Trà; bên cạnh đó, Chính phủ còn có chính sách gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất một số ngành, lĩnh vực bị tác động bởi dịch Covid-19.

(6) Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 239 tỷ đồng bằng 51,4% dự toán năm; thuế bảo vệ môi trường ước đạt 410 tỷ đồng, bằng 50% dự toán năm; các khoản thu này cơ bản đảm bảo tiến độ thu theo dự toán HĐND tỉnh giao.

(7) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: ước 6 tháng nộp ngân sách nhà nước 69 tỷ đồng, đạt 66,1% dự toán, bằng 88,4% so cùng kỳ.

b) Thu hoạt động xuất nhập khẩu: ước đạt 2.630 tỷ đồng, bằng 82,2% so dự toán năm và bằng 147,8% so với cùng kỳ năm 2019.

2. Thu vay vốn để bù đắp bội chi: dự kiến 6 tháng đầu năm vay 10 tỷ đồng (bằng 26% dự toán giao) từ nguồn vay lại của CP, để thực hiện Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi.

## II. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Phụ lục số 02):

1. Ước chi cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020 là 5.226 tỷ đồng, bằng 38,9% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 99% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó:

- a) Chi đầu tư phát triển: ước đạt 1.541 tỷ đồng, bằng 37,6% so dự toán năm.
- b) Chi thường xuyên: ước đạt 3.684 tỷ đồng, bằng 41,6% so dự toán năm.
- c) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,1 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

2. Chi thực hiện các chương trình mục tiêu từ ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 913 tỷ đồng, bằng 40,9% dự toán năm.

## III. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh (chi tiết tại Phụ lục số 03):

Tổng kinh phí dự phòng ngân sách cấp tỉnh là 149,4 tỷ đồng; trong đó: bố trí dự toán đầu năm 2020 là 130,6 tỷ đồng, nguồn kinh phí năm 2019 chuyển sang năm 2020 là 18,8 tỷ đồng. Dự kiến đến 30/6/2020, dự phòng ngân sách tỉnh sử dụng 73,3 tỷ đồng; trong đó, tập trung chi phòng chống dịch Covid-19, hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, hỗ trợ thiệt hại và phòng, chống dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi gây ra năm 2019.

## IV. Tình hình quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính địa phương

1. Số dư đến ngày 31/12/2019: 159,47 tỷ đồng.
2. Số phát sinh tăng trong 6 tháng đầu năm 2020 là 2,07 tỷ đồng; gồm: bổ sung từ dự toán chi ngân sách tỉnh 1,14 tỷ đồng; lãi tiền gửi (0,1%/tháng) 0,93 tỷ đồng.
3. Phát sinh giảm (bù hụt thu) là 50,5 tỷ đồng.
4. Số dư đến ngày 30/6/2020: 111,04 tỷ đồng.

## V. Về tình hình vay nợ của ngân sách địa phương

1. Các khoản vay đầu tư, ngân sách tỉnh phải bố trí trả nợ:
  - Số dư đầu năm 2019 là: 30,93 tỷ đồng;
  - Số phát sinh tăng trong kỳ: 0
  - Số phát sinh giảm trong kỳ: 0
  - Số dư nợ vay đến 30/6/2020: 30,93 tỷ đồng.
2. Dư nợ vay đầu tư dự án Năng lượng nông thôn II đến ngày 30/6/2020 là: 149,48 tỷ đồng.

## VI. Tình hình tạm ứng, ứng trước (Chi tiết tại Phụ lục số 04)

Số dư tạm ứng, ứng trước ngân sách đến ngày 30/6/2020 là 656 tỷ đồng, giảm so với tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 227 tỷ đồng. Bao gồm:

1. Các khoản tạm ứng, ứng trước thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh: 240 tỷ đồng;

2. Các khoản tạm ứng, ứng trước không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh: 416 tỷ đồng.

*Tóm lại*, trong 6 tháng đầu năm 2020, việc tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 20/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, số 32/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020; Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2020.

## **Phần thứ hai**

### **GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI CẢ NĂM 2020**

#### **I. Dự kiến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**

1. Thu cân đối ngân sách trên địa bàn năm 2020: ước đạt 14.684 tỷ đồng, bằng 79% dự toán năm (*chi tiết tại Phụ lục số 01*). Trong đó:

a) Thu nội địa ước đạt 11.689 tỷ đồng, bằng 76,1% dự toán năm. Trong đó, thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 4.735 tỷ đồng, bằng 66,7% dự toán năm.

Dự kiến năm 2020, thu nội địa giảm so với dự toán HĐND tỉnh giao khoảng 3.671 tỷ đồng (*trong đó ngân sách địa phương được hưởng giảm 3.146 tỷ đồng*). Nguyên nhân chủ yếu là bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, giá dầu thô giảm sâu dự kiến bình quân cả năm đạt 40 USD/thùng, thấp hơn so với dự toán được giao 20 USD/thùng; do vậy hụt thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 2.367 tỷ đồng.

b) Thu hoạt động xuất nhập khẩu cả năm 2020 ước đạt 2.957 tỷ đồng, bằng 92,4% dự toán HĐND tỉnh giao.

2. Thu vay vốn để bù đắp bội chi: dự kiến năm 2020 vay 38,5 tỷ đồng từ nguồn vay lại của Chính phủ, đạt 100% dự toán giao.

#### **II. Chi ngân sách địa phương**

1. Chi cân đối ngân sách địa phương cả năm 2020 ước đạt 12.566 tỷ đồng, bằng 93,6% dự toán HĐND tỉnh giao (*chi tiết tại Phụ lục số 02*); trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển: ước đạt 3.698 tỷ đồng, bằng 90,2% dự toán năm (*trong đó: chi từ nguồn bội chi ước đạt 29% dự toán giao*);

b) Chi thường xuyên: ước đạt 8.865 tỷ đồng, bằng 100,1% dự toán năm.

c) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,1 tỷ đồng;

d) Chi trả lãi vay: 1 tỷ đồng

2. Chi thực hiện các chương trình mục tiêu từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu ước đạt 2.147 tỷ đồng, bằng 96,1% dự toán năm.

### **III. Các giải pháp triển khai thực hiện**

Để đạt được nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2020; các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các Quyết định của UBND tỉnh: số 09/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách địa phương năm 2020, số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2020, Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2020; tăng cường công tác quản lý thu ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh; thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện những nhiệm vụ sau:

#### **1. Giải pháp về thu ngân sách:**

a) Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh và các sở, ngành tiếp tục phối hợp chặt chẽ, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp quản lý thu, nuôi dưỡng nguồn thu, chống thất thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Cục Thuế tỉnh:

- Quản lý chặt chẽ, đầy đủ, kịp thời tất cả doanh nghiệp hoạt động SXKD trên địa bàn; tổ chức phân tích, đánh giá lại các nguồn thu, nhất là các nguồn thu, sắc thuế bị tác động giảm thu do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và Nghị định 100 của Chính phủ; dự báo khả năng khai thác tăng thu như: các dự án kết thúc giai đoạn đầu tư đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, dự án hết thời gian ưu đãi thuế, các dự án đầu tư mới phát sinh,...; theo dõi sát tiến độ thu nộp ngân sách hàng tháng, quý để kịp thời đề ra các giải pháp quản lý thu, khai thác tăng thu; kịp thời đôn đốc người nộp thuế khai, nộp đầy đủ các khoản thuế phát sinh, nhất là các doanh nghiệp trọng điểm, có số thuế nộp ngân sách lớn.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương có liên quan có liên quan khẩn trương tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án Khu dân cư, để kịp thời thu tiền sử dụng đất; đối với các dự án Khu dân cư do Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Dịch vụ

Quảng Ngãi (QISC) làm chủ đầu tư, kịp thời hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục pháp lý để triển khai tổ chức bán đấu giá đất, thu tiền sử dụng đất nộp NSNN. Thực hiện tốt Nghị quyết của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính; nhất là thực hiện tốt các quy định về ưu đãi, miễn giảm, xử lý các trường hợp vướng mắc trong lĩnh vực đất đai; giải quyết, xử lý kịp thời các hồ sơ hoàn thuế, đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có); giải quyết kịp thời đúng thủ tục gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất đối với NNT bị ảnh hưởng dịch Covid-19 theo Nghị định 41/2020/NĐ-CP và phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện thẩm định, trình UBND tỉnh hỗ trợ kịp thời hỗ trợ hộ kinh doanh có doanh thu dưới 100 triệu/năm tạm ngừng, nghỉ kinh doanh do tác động của dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, trong đó ưu tiên triển khai thanh tra, kiểm tra các đơn vị ít bị tác động của dịch bệnh Covid-19 trước. Tăng cường kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế để phát hiện khai sai, yêu cầu DN khai bổ sung. Đôn đốc thu nộp NS kịp thời các khoản truy thu và phạt qua thanh tra kiểm tra.

- Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ thuế:

+ Tăng cường công tác thu nợ, xử lý triệt để các khoản nợ ảo, nợ chờ xử lý. Phối hợp với các ngành có biện pháp xử lý đối với các DN khai thác khoáng sản còn dây dưa, chây ì, còn nợ lớn tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí BVMT,...

+ Tăng cường đôn đốc, thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với các DN không thuộc trường hợp được gia hạn theo Nghị định 41/2020/NĐ-CP, tránh trường hợp lợi dụng dịch bệnh để chây ì, nợ kéo dài.

+ Triển khai thực hiện kịp thời Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 19/3/2020 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp NSNN.

c) Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Công an tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi và các đơn vị liên quan tăng cường phối hợp với cơ quan Thuế, Hải quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

d) KBNN Quảng Ngãi thực hiện khấu trừ đầy đủ, kịp thời số thuế GTGT đối với công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách phát sinh trên địa bàn; giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản kịp thời, đúng theo quy định; tăng cường phối hợp với Cục Thuế tỉnh để thu hồi nợ thuế nộp ngân sách nhà nước khi thực hiện thanh toán vốn đầu tư cho các công trình, dự án.

đ) Công ty QISC khẩn trương bàn giao các dự án khu dân cư theo chỉ đạo của UBND tỉnh để bán đấu giá, góp phần hoàn thành dự toán thu tiền sử dụng đất do HĐND tỉnh giao.

e) Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường chỉ đạo triển khai các biện pháp thu ngân sách trên địa bàn, phân đấu hoàn thành dự toán HĐND huyện, thị xã, thành phố giao.

## **2. Giải pháp chi ngân sách:**

### a) Về chi thường xuyên:

- Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng thời gian theo quy định;

- Các cơ quan, địa phương, đơn vị thực hiện công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN; khẩn trương hoàn thành các thủ tục, hồ sơ thanh toán, đẩy nhanh tiến độ chi ngân sách, kể cả chi cho các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, đề án theo các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia;

- Cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí chi hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại của các cơ quan, đơn vị, địa phương; thu hồi về ngân sách Nhà nước dành nguồn cho các nhiệm vụ cấp bách khác. Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại năm 2020 và cắt giảm các khoản chi mua sắm, sửa chữa chưa thực sự cần thiết.

### b) Về chi đầu tư phát triển:

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân 100% vốn đầu tư công năm 2020 (bao gồm các nguồn vốn các năm trước chuyển sang).

- Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án và nhà thầu đẩy mạnh thi công xây dựng công trình kết hợp các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động theo đúng quy định về phòng, chống dịch.

- Thực hiện thu hồi vốn ứng trước, thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, giải ngân vốn kéo dài các năm 2018, 2019 sang năm 2020, hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án quy mô lớn, quan trọng và thực hiện các thủ tục thanh toán vốn đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

c) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế hoạt động tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực gắn với thúc đẩy lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công đã đề ra.

d) Các cơ quan, đơn vị phải thực hiện nghiêm túc kiến nghị của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước đối với các khoản phải thu vào ngân sách nhà nước và các khoản giảm trừ cấp kinh phí cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

## **3. Dự kiến xử lý hụt thu**

Đề nghị Trung ương bổ sung trong cân đối bằng với mức chi năm 2017 -

năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020 cộng với phần tăng lương cơ sở (từ 1,210 triệu đồng lên 1,490 triệu đồng); phần còn lại UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan cắt giảm các khoản chi đầu tư, chi thường xuyên để đảm bảo cân đối thu chi.

Kính báo cáo HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- BTT. UBMTTQVN tỉnh;
- Ban KTNS- HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: C,PCVP(KT), TH,CBTH;
- Lưu: VT, KT việt200

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT.CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tăng Bính**



## BÁO CÁO

**Thủ NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm**  
**Thủ NSNN trên địa 6 tháng cuối năm 2020**

(Kèm theo Báo cáo số 121 /BC-UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh)



DVT: Triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Dự toán năm 2020	Ước thu 6 tháng đầu năm 2020	So sánh (%) với		Dự kiến năm 2020	So sánh dự toán 2020
					Dự toán 2020	Cùng kỳ 2019		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3/2)	(5)=(3/1)	(6)	(7)=(6/2)
<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A)+(B)</b>		<b>9.713.915</b>	<b>18.598.500</b>	<b>7.912.719</b>	<b>42,5%</b>	<b>81,5%</b>	<b>14.684.149</b>	<b>79,0%</b>
<b>A</b>	<b>Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn (I)+(II)</b>	<b>9.706.718</b>	<b>18.560.000</b>	<b>7.902.719</b>	<b>42,6%</b>	<b>81,4%</b>	<b>14.645.649</b>	<b>78,9%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>7.927.000</b>	<b>15.360.000</b>	<b>5.272.543</b>	<b>34,3%</b>	<b>66,5%</b>	<b>11.688.649</b>	<b>76,1%</b>
1	Thu từ DNNN do Trung ương quản lý	4.990.692	7.487.000	2.627.184	35,1%	52,6%	4.991.583	66,7%
	Trong đó thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất	4.321.431	7.102.000	2.452.640	34,5%	56,8%	4.734.903	66,7%
	-Thuế giá trị gia tăng	2.270.032	3.400.000	826.625	24,3%	36,4%	2.266.780	66,7%
	-Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.683	220.000	56.504	25,7%	1206,7%	146.674	66,7%
	-Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.046.717	3.482.000	1.569.511	45,1%	76,7%	2.321.449	66,7%
2	Thu từ DN nhà nước do địa phương quản lý	30.619	44.000	28.502	64,8%	93,1%	44.000	100,0%
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	171.184	310.000	224.349	72,4%	131,1%	310.000	100,0%
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	865.031	3.327.000	1.024.151	30,8%	118,4%	2.422.000	72,8%
5	Lệ phí trước bạ	119.339	290.000	92.924	32,0%	77,9%	240.000	82,8%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	23	5.000	36	31,6%	154,8%	36	100,0%
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.955	5.000	1.579	51,4%	94,9%	5.000	94,6%
8	Thuế thu nhập cá nhân	252.024	465.000	239.092	50,0%	104,9%	440.000	79,3%
9	Thuế bảo vệ môi trường	390.712	820.000	410.039	47,9%	0,914197	153.000	90,0%
10	Thu phí, lệ phí	89.030	170.000	81.391	17,3%	48,9%	2.000.000	100,0%
11	Tiền sử dụng đất	705.452	2.000.000	345.118				

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Dự toán năm 2020	Ước thu 6 tháng đầu năm 2020	So sánh (%) với		Dự kiến năm 2020	So sánh dự toán 2020
					Dự toán 2020	Cùng kỳ 2019		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3/2)	(5)=(3/1)	(6)	(7)=(6/2)
12	Thu cho thuê mặt đất, mặt nước	96.542	60.000	8.307	13,8%	8,6%	56.000	93,3%
13	Thu tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước	13		19		143,8%	31	
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	26.752	55.000	23.956	43,6%	89,5%	50.000	90,9%
15	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, ... tại xã	5.717	12.000	4.844	40,4%	84,7%	12.000	100,0%
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	78.523	105.000	69.435	66,1%	88,4%	105.000	100,0%
17	Thu khác	102.393	205.000	90.418	44,1%	88,3%	205.000	100,0%
18	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (ĐP hưởng 100%)		5.000	1.201	24,0%		5.000	100,0%
<b>II</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu</b>	<b>1.779.718</b>	<b>3.200.000</b>	<b>2.630.176</b>	<b>82,2%</b>	<b>147,8%</b>	<b>2.957.000</b>	<b>92,4%</b>
1	Thuế xuất khẩu	125.948	195.000	105.930	54,3%	84,1%	210.000	107,7%
2	Thuế nhập khẩu	180.801	269.000	151.909	56,5%	84,0%	290.000	107,8%
3	Thuế giá trị gia tăng	1.466.580	2.725.000	2.343.885	86,0%	159,8%	2.437.000	89,4%
4	Thuế bảo vệ môi trường	4.879	11.000	28.061	255,1%	575,1%	20.000	181,8%
<b>B</b>	<b>Thu vay vốn để bù đắp bội chi</b>	<b>7.197</b>	<b>38.500</b>	<b>10.000</b>	<b>26,0%</b>	<b>138,9%</b>	<b>38.500</b>	<b>100,0%</b>
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>8.525.783</b>	<b>15.652.545</b>	<b>6.348.559</b>	<b>40,6%</b>	<b>74,5%</b>	<b>12.506.772</b>	<b>79,9%</b>
<b>A</b>	<b>Thu cân đối ngân sách địa phương (D)+...+(IV)</b>	<b>8.525.783</b>	<b>15.652.545</b>	<b>6.348.559</b>	<b>40,6%</b>	<b>74,5%</b>	<b>12.506.772</b>	<b>79,9%</b>
<b>I</b>	Các khoản thu cân đối NSDP được hưởng theo phân cấp	6.845.219	13.281.356	4.424.085	33,3%	64,6%	10.135.583	76,3%
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.237.391	2.903.446	746.250	25,7%	60,3%	2.794.287	96,2%
2	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ 88%	5.607.828	10.377.910	3.677.835	35,4%	65,6%	7.341.296	70,7%
<b>II</b>	Bổ sung từ ngân sách trung ương	1.673.367	2.233.539	1.815.324	81,3%	108,5%	2.233.539	100,0%
<b>III</b>	Thu từ chuyển nguồn thực hiện CCTL		99.150	99.150	100,0%		99.150	100,0%
<b>IV</b>	Thu vay vốn để bù đắp bội chi	7.197	38.500	10.000	26,0%	138,9%	38.500	100,0%



## BÁO CÁO

**ĐƠN HÀNH CHÍNH NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM  
VÀ MIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số 14 /BC-UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Dự toán năm 2020	Ước chi 6 tháng đầu năm 2020	So sánh (%) với		Dự kiến năm 2020	So sánh dự toán 2020
					Dự toán 2020	Cùng kỳ 2019		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3/2)	(5)=(3/1)	(6)	(7)=(6/2)
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A)+(B)</b>	<b>5.697.127</b>	<b>15.652.545</b>	<b>6.139.404</b>	<b>39,2%</b>	<b>107,8%</b>	<b>14.712.849</b>	<b>94,0%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI</b>	<b>5.276.388</b>	<b>13.419.006</b>	<b>5.226.003</b>	<b>38,9%</b>	<b>99,0%</b>	<b>12.565.718</b>	<b>93,6%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển (*)</b>	<b>1.721.348</b>	<b>4.101.950</b>	<b>1.540.761</b>	<b>37,6%</b>	<b>89,5%</b>	<b>3.698.664</b>	<b>90,2%</b>
1	Chi đầu tư XD CB	1.699.848	4.075.950	1.518.761	37,3%	89,3%	3.672.664	90,1%
	- Chi đầu tư XD CB vốn trong nước	1.468.014	1.932.450	984.463	50,9%	67,1%	1.816.503	94,0%
	- Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu tiền sử dụng đất	191.823	2.000.000	464.864	23,2%	242,3%	1.740.000	87,0%
	- Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu XSKT	39.509	105.000	62.737	59,7%	158,8%	105.000	100,0%
	- Chi đầu tư từ nguồn bội chi	502	38.500	6.697	17,4%	1334,1%	11.161	29,0%
2	Chi đầu tư các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	1.500	6.000	2.000	33,3%	133,3%	6.000	100,0%
3	Chi đầu tư phát triển khác	20.000	20.000	20.000	100,0%	100,0%	20.000	100,0%
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>3.553.799</b>	<b>8.860.308</b>	<b>3.684.102</b>	<b>41,6%</b>	<b>103,7%</b>	<b>8.864.914</b>	<b>100,1%</b>
1	Chi giáo dục-đào tạo-dạy nghề	1.266.540	3.485.724	1.188.392	34,1%	93,8%	3.363.723	96,5%
2	Chi khoa học và công nghệ	8.199	34.460	10.941	31,8%	133,4%	33.000	95,8%
3	Chi quốc phòng	146.488	200.704	122.827	61,2%	83,8%	203.596	101,4%
4	Chi an ninh trật tự an toàn xã hội	81.907	81.412	47.954	58,9%	58,5%	82.035	100,8%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	390.241	856.850	503.299	58,7%	129,0%	883.257	103,1%
6	Chi văn hóa thông tin	30.899	134.547	37.798	28,1%	122,3%	125.000	92,9%
7	Chi phát thanh, truyền hình	18.165	40.593	13.715	33,8%	75,5%	37.000	91,1%
8	Chi thể dục thể thao	14.054	33.349	11.133	33,4%	79,2%	30.681	92,0%

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Dự toán năm 2020	Ước chi 6 tháng đầu năm 2020	So sánh (%) với		Dự kiến năm 2020	So sánh dự toán 2020
					Dự toán 2020	Cùng kỳ 2019		
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	32.020	160.156	37.679	23,5%	117,7%	153.269	95,7%
10	Chi các hoạt động kinh tế	409.767	1.595.153	512.858	32,2%	125,2%	1.507.997	94,5%
11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	861.730	1.712.608	846.025	49,4%	98,2%	1.712.808	100,0%
12	Chi đảm bảo xã hội	266.908	492.547	319.916	65,0%	119,9%	692.547	140,6%
13	Chi thường xuyên khác	26.881	32.204	31.565	98,0%	117,4%	40.000	124,2%
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>101</b>	<b>1.000</b>		<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>	<b>1.000</b>	<b>100,0%</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính</b>	<b>1.140</b>	<b>1.140</b>	<b>1.140</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>	<b>1.140</b>	<b>100,0%</b>
<b>V</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>		<b>256.500</b>					
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>		<b>198.108</b>					
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TỪ NGUỒN TW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU</b>	<b>420.739</b>	<b>2.233.539</b>	<b>913.401</b>	<b>40,9%</b>	<b>217,1%</b>	<b>2.147.131</b>	<b>96,1%</b>
1	Các chương trình mục tiêu quốc gia	222.408	1.039.061	459.049	44,2%	206,4%	1.007.281	96,9%
2	Vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án	152.399	1.025.176	414.058	40,4%	271,7%	977.997	95,4%
3	Vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ	45.932	169.302	40.294	23,8%	87,7%	161.853	95,6%

## TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 121 /BC-UBND ngày 06 /7/2020 của UBND tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Số tiền
(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh</b>	<b>149.491</b>
1	Bố trí dự toán năm 2020	130.608
	<i>Trong đó, bố trí kinh phí sửa chữa, khắc phục các công trình giao thông do tình quản lý bị hư hỏng, xuống cấp</i>	<i>40.000</i>
2	Chuyển nguồn kinh phí ngân sách tỉnh năm 2019 sang năm 2020 tại Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 29/5/2020	18.883
<b>B</b>	<b>Kinh phí phân bổ</b>	<b>73.344</b>
<b>I</b>	<b>Kinh phí đã có QĐ phân bổ của UBND tỉnh</b>	<b>71.396</b>
1	Kp mua sắm VTYT tiêu hao, phương tiện bảo hộ và chống nhiễm khuẩn, hóa chất phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới VR Corona gây ra	7.000
2	Kp mua 07 máy thở phục vụ công tác phòng chống, dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	4.373
3	Hỗ trợ quà tết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nhân dịp tết Nguyên đán 2020	9.566
4	Kinh phí thực hiện bảo đảm cách ly công dân tại Trung tâm huấn luyện của tỉnh	100
5	Kinh phí thực hiện kiểm định, đánh giá khả năng chịu tải công trình cầu Trà Bồng	494
6	Kinh phí cho các huyện thực hiện hỗ trợ gạo "đỏ lửa" cho nhân dân trong dịp tết nguyên đán canh tý năm 2020	2.452
7	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 1)	10.000
8	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 3)	808
9	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 4)	1.296
10	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 6)	3.704
11	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 8)	4.193
12	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 9)	5.000
13	Hỗ trợ kinh phí, vật tư y tế giúp Lào trong công tác phòng, chống dịch Covid 19	466
14	Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (đợt 12)	5.000

Số TT	Nội dung chi	Số tiền
15	kinh phí hỗ trợ thiệt hại và phòng, chống dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi gây ra năm 2019 trên địa bàn tỉnh	14.619
16	Kinh phí diễn tập BT-BM	2.326
<b>II</b>	<b>Đã đề xuất chưa có Quyết định (dự kiến)</b>	<b>1.948</b>
1	Kinh phí đối ứng thực hiện sự án Hợp phần I - Dự án thành phần GCF tỉnh Quảng Ngãi năm 2020	1.948
<b>C</b>	<b>Kinh phí chưa phân bổ (A)-(B)</b>	<b>76.147</b>



## CÁC KHOẢN TẠM ỨNG, ỨNG TRƯỚC NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Báo cáo số **121** /BC-UBND ngày **06** /7/2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Nội dung	Số dư đến ngày 31/12/19 (số thực tế ứng)	Số tạm ứng trong năm 2020	Số thu hồi trong năm 2020	Số dư đến ngày 30/6/2020	Kế hoạch bố trí trả nợ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) =(4)+(5)-(6)	(8)
	<b>Tổng cộng (I)+(II)</b>		<b>882.861</b>		<b>226.786</b>	<b>656.075</b>	
<b>I</b>	<b>Thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh</b>		<b>467.035</b>		<b>226.786</b>	<b>240.249</b>	
	<b>Chi đầu tư</b>		<b>467.035</b>		<b>226.786</b>	<b>240.249</b>	
1	BQL DA ĐTXD Tỉnh	Chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư DA Hệ thống HTKT khu dân cư trực đường Bầu Giang-Cầu Mới	6.000			6.000	
2	BQL DA ĐTXD Tỉnh	Chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư DA Hệ thống HTKT khu dân cư trực đường Bầu Giang-Cầu Mới	14.934			14.934	
3	UBND huyện Sơn Tịnh	Đầu tư 3 công trình hạ tầng VSIP (50 tỷ đồng)	8.237			8.237	Kế hoạch trung hạn (2017-2020)
		- Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Thôn Thế Lợi	6.765			6.765	
		- Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Thôn Phong niên	1.472			1.472	
4	UBND huyện Sơn Hà	Tuyến đường Sơn Thượng - Sơn Tinh huyện Sơn Hà	1.504		1.504	0	
5	Sở Y tế	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Quảng Ngãi	14.400		14.400	0	
6	BQL các dự án công trình giao thông tỉnh	Ứng trước dự toán thực hiện Dự án Đường bờ Nam sông Trà Khúc	50.000		50.000	0	
7	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Ứng trước dự toán năm sau thực hiện Dự án Khu lưu niệm Bác Phạm Văn Đồng (giai đoạn 2)	14.972		14.972	0	
8	Đài PTTH Qngãi	Dự án xe Truyền hình lưu động 05 camera của Đài PTTH Qngãi	15.000			15.000	
9	UBND Thành phố Q. Ngãi	Ứng trước để xây dựng công trình Khu Đô thị mới phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, TPQN.	83.573			83.573	
10	UBND huyện Sơn Tịnh	Ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Khu tái định cư thôn Thế Long, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh.	10.520			10.520	
11	Sở Giao thông	Ứng trước mua xi măng để làm giao thông nông thôn	29.985			29.985	
12	Sở Giao thông vận tải	Ứng trước ngân sách tỉnh để thực hiện cung ứng xi măng cho các xã làm đường giao thông nông thôn, thực hiện CTMTQG nông thôn mới năm 2017	32.000			32.000	
13	Sở Giao thông vận tải	Ứng trước thực hiện khắc phục hậu quả lũ lụt (bước 2)	40.000			40.000	

Số TT	Tên đơn vị	Nội dung	Số dư đến ngày 31/12/19 (số thực tế ứng)	Số tạm ứng trong năm 2020	Số thu hồi trong năm 2020	Số dư đến ngày 30/6/2020	Kế hoạch bố trí trả nợ
14	Cty TNHH MTV Đầu tư XD và KD DV Q. Ngãi	Ứng trước kế hoạch vốn năm sau để thực hiện 02 dự án Khu dân cư	130.000		130.000	0	
15	UBND các huyện	Ứng trước kế hoạch vốn để thực hiện các dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn thuộc Chương trình MTQG	6.500		6.500	0	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ứng trước kế hoạch vốn năm sau để thực hiện Dự án khu dân cư Yên Phú	9.410		9.410	0	
<b>II</b>	<b>Thu hồi từ các nguồn khác</b>		<b>415.826</b>			<b>415.826</b>	
	<b>Chi đầu tư</b>		<b>415.826</b>			<b>415.826</b>	
<b>1</b>	<b>Ngân sách trung ương bổ sung, hỗ trợ</b>		<b>238.732</b>			<b>238.732</b>	
+	BQL DA Hợp phần di dân Hồ chứa nước Nước Trong	Thực hiện Hợp phần di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong	16.732			16.732	
+	BQL DA Hợp phần di dân Hồ chứa nước Nước Trong	Thực hiện Hợp phần di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong	100.000			100.000	
+	BQL DA Hợp phần di dân Hồ chứa nước Nước Trong	Thực hiện Hợp phần di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong	50.000			50.000	
+	BQL DA đầu tư và XD các công trình NN&PTNT tỉnh	Tạm ứng để thực hiện dự án Hợp phần di dân, tái định cư Hồ Chứa nước Nước trong	52.000			52.000	
+	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Tạm ứng để đầu tư hạng mục sửa chữa, khắc phục Bến cập tàu của Đảo Bé thuộc dự án Đường cơ động phía Đông Nam đảo Lý Sơn (giai đoạn III)	20.000			20.000	
<b>2</b>	<b>Ngân sách thành phố Quảng Ngãi</b>		<b>36.000</b>			<b>36.000</b>	
+	UBND thành phố Quảng Ngãi	Tạm ứng ngân sách tỉnh để thực hiện các dự án quan trọng trên địa bàn thành phố.	36.000			36.000	
<b>3</b>	<b>Thu hồi từ các nhà đầu tư vào KKT Dung Quất</b>		<b>89.314</b>		<b>0</b>	<b>89.314</b>	
+	BQL Khu kinh tế Dung Quất	Tạm ứng thực hiện công tác bồi thường tạo Quỹ đất sạch Khu kinh tế Dung Quất.	89.314			89.314	
<b>4</b>	<b>Ngân sách huyện Lý Sơn</b>		<b>24.550</b>			<b>24.550</b>	
+	UBND huyện Lý Sơn	Hạng mục cải tạo kè chắn, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống camera thuộc dự án nâng cấp đường Cơ động Lý Sơn	24.550			24.550	
<b>5</b>	<b>Thu hồi từ các nguồn khác</b>		<b>27.230</b>			<b>27.230</b>	
+	Sở Công Thương	Tạm ứng để thực hiện bình ổn giá	980			980	
+	Ủy ban mặt trận	UT kp thực hiện hỗ trợ hộ nghèo đã xd nhà hoàn thành theo QĐ 167/2008/QĐ-TTg nhưng chưa được hỗ trợ	26.250			26.250	